



BSC WEEKLY REVIEW

Tuần 35 (28/08-01/09/23)

Dự báo danh mục FTSE Vietnam 30 Index, FTSE Vietnam Index và Market Vector Vietnam Local Index Quý 3 năm 2023

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Giao dịch giăng co tìm điểm cân bằng*

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục FTSE Vietnam 30 Index, FTSE Vietnam Index và Market Vector Vietnam Local Index Quý 3 năm 2023*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *Tích lũy sau đỉnh ngắn hạn và tìm điểm cân bằng sau nhịp bán tháo*

5. TIN VĨ MÔ: *Tăng trưởng tín dụng đến tháng 7/2023 đạt +4.56%*

6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dịch vụ tài chính +6.81%*

7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Giao dịch giằng co tìm điểm cân bằng*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1183.37	0.46%
GTGD/phiên (tỷ VND)	18,043.53	-22.89%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1796.15	
HNX-INDEX	242.90	2.94%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1766.91	-32.65%
Khối ngoại (tỷ VND)	29.22	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4405.71	0.67%	0.82%	-3.85%
EU (EURO STOXX)	4236.25	0.10%	0.55%	-5.16%
China (SHCOMP)	3064.08	-0.59%	-2.17%	-6.47%
Japan (NIKKEI)	31624.28	-2.05%	0.55%	-3.46%
Korea (KOSPI)	2519.14	-0.73%	0.58%	-3.42%
Singapore (STI)	3189.88	0.29%	0.50%	-5.38%
Thailand (SET)	1560.20	0.18%	2.70%	1.10%
Phillipines (PCOMP)	6160.61	-1.05%	-2.06%	-7.01%
Malaysia (KLCI)	1444.41	-0.02%	-0.12%	-0.41%
Indonesia (JCI)	6895.44	-0.06%	0.52%	-0.07%
Vietnam (VNIndex)	1183.37	-0.51%	0.46%	-2.01%

TTCK VIỆT NAM

Lực cầu bắt đáy vùng giá thấp chặn đà bán tháo

VN-Index tăng 0.5% trong tuần giao dịch giằng co với những phiên tăng giảm xen kẽ. 54% cổ phiếu tăng điểm tuy nhiên có đến 15/19 ngành tăng điểm và thanh khoản thấp cho sự phân hóa và NĐT có phần dè dặt. Dịch vụ tài chính và công nghệ thông tin là 2 ngành có mức tăng trên 6% trong khi bất động sản và tài nguyên cơ bản giảm trên 1.6%. Thông tin tích cực liên quan đến sửa đổi thông tư 06 của NHNN giúp nhiều cổ phiếu BĐS tăng giá nhưng bù đắp được mức giảm giá của các cổ phiếu chủ chốt trong ngành đã tăng mạnh trước đó. VN-Index tích lũy lại sau phiên bán tháo dù vậy thị trường sẽ còn những phiên biến động phức tạp kiểm tra cung cầu và xác định điểm cân bằng mới. NĐT do vậy vẫn nên duy trì trạng thái danh mục cân bằng tuy nhiên chủ động tìm cơ hội trong các nhịp giảm mạnh cho hoạt động đầu tư trung hạn.

Tăng trưởng tín dụng cuối tháng 7/2023 đạt mức 4.56%, giảm 0.17% so với cuối tháng 6 và thấp hơn đáng kể mức 9.54% cùng kỳ 2022. 4 Ngân hàng quốc doanh và một số ngân hàng tư nhân đồng loạt giảm lãi suất tiết kiệm xuống dưới 6% kỳ hạn 1 năm. Với mức huy động 5.8%/năm kỳ hạn 12 tháng, mặt bằng lãi suất đã giảm gần về mức lãi suất trong giai đoạn Covid. Tăng trưởng tín dụng âm trong tháng 7 cho thấy khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp, nền kinh tế đang rất yếu và cũng là nguyên nhân khiến lãi suất giảm nhanh. SBV ngừng thi hành một số điều khoản thông tư 06. Đây là quyết định kịp thời và phù hợp hỗ trợ cho hoạt động vay vốn và kéo dài thêm thời gian cho các Doanh nghiệp tái cấu trúc.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ giao dịch giằng co chờ đợi bài phát biểu của chủ tịch FED

Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng giảm trái chiều với biên độ hẹp trong bối cảnh lợi tức trái phiếu tăng cao và chờ thông tin từ cuộc họp tại Jackson Hole. TTCK Châu Âu tích cực với mức tăng 0.8% của EU600. Diễn biến trái chiều cũng xảy ra trên TTCK Châu Á khi các chủ số có mức hồi phục nhẹ thì TTCK Trung Quốc tiếp tục giảm thêm 2% khi đón nhận thêm thông tin tiêu cực. Chỉ số DXY duy trì chuỗi tuần tăng khi tiếp tục ghi nhận mức tăng 0.8% cùng với lợi tức trái phiếu tăng gây sức ép cho TTCK. Chỉ số hàng hóa tăng 0.6%, đóng góp chủ yếu đến từ các kim loại (Quặng sắt +7.9%, Chì và kẽm +4% và Đồng +2.4%), và kim loại quý (Vàng +1.3%, Bạc +6.1%). Thông điệp chủ tịch FED cuối tuần sẽ ảnh hưởng đáng kể đến các thị trường trong tuần tới.

Tiếp sau động giảm lãi suất cho vay ngắn và trung hạn tuần trước, NHTW Trung Quốc giảm 0.1% lãi suất kỳ hạn cho vay 1 năm xuống còn 3.45% và vẫn giữ lãi suất vay chuẩn kỳ hạn 5 năm ở mức 4.2%. PBoC đang có bước đi mạnh bạo không việc hỗ trợ tăng trưởng và điều chỉnh khi tăng trưởng tín dụng tháng 7 thấp nhất kể từ 2009. NĐT cũng đang hướng sự quan tâm đến phát biểu của chủ tịch FED tại Hội nghị Jackson Hole từ 24/8/-26/8 qua đó đánh giá về khả năng lãi suất còn tăng trong thời gian dài nữa hay không. Thị trường phân vân trước các dữ liệu vĩ mô gần đây về đơn xin trợ cấp thất nghiệp giảm và thị trường lao động tích cực vẫn đang ủng hộ cho khả năng FED duy trì lãi suất cao trong thời gian hơn.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục FTSE Vietnam 30 Index, FTSE Vietnam Index và Market Vector Vietnam Local Index Quý 3 năm 2023

Ngày 01/09/2023, FTSE dự kiến sẽ công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index, tiếp sau đó 1 tuần (08/09/2023), MarketVector cũng sẽ công bố danh mục cổ phiếu thuộc chỉ số MarketVector Vietnam Local Index. Đối với bộ chỉ số FTSE Vietnam 30 Index (ETF Fubon tham chiếu) cũng sẽ đến kỳ đánh giá Quý 3.

Ngày 15/09/2023 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục của các ETF tham chiếu theo các bộ chỉ số này.

+ Ngày chốt dữ liệu dự báo: FTSE Vietnam 30 ngày 18/08/2023, FTSE Vietnam và MarketVector ngày 22/08/2023

+ Ngày chốt data chính thức của chỉ số: FTSE Vietnam 30 ngày 18/08, FTSE Vietnam ngày 25/08 và MarketVector ngày 31/08/2023

Trên cơ sở dữ liệu đó, BSC dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu theo các chỉ số, cụ thể như sau:

1. FTSE Vietnam 30 Index (ETF Fubon tham chiếu)

FTSE Vietnam 30 dự kiến sẽ không loại bỏ cổ phiếu nào và sẽ thêm mới LPB do danh mục hiện tại bao gồm 29 cổ phiếu khi NVL đã bị loại do trong trường hợp bị cảnh báo.

Tuy nhiên do sự khác biệt về tỷ lệ free-float, trọng số đầu tư mà FTSE áp dụng, KDH (ở ngưỡng điều kiện sàng lọc về thanh khoản) và HCM (ở ngưỡng tiêu chí tỷ lệ nước ngoài) có thể bị loại. Trong trường hợp KDH, HCM bị loại thì PDR và NLG sẽ thay thế lần lượt các cổ phiếu này.

2. FTSE Vietnam Index (ETF FTSE tham chiếu)

FTSE Vietnam dự kiến không loại bỏ cổ phiếu nào và sẽ thêm mới VIX do đã đáp ứng các điều kiện. Đối với cổ phiếu PDR đang ở ngưỡng điều kiện GTVH để có thể xem xét vào rổ. Giá trị có thể sai lệch do ngày áp dụng dữ liệu và trọng số đầu tư, free-float.

3. MarketVector Vietnam Index (ETF VNM tham chiếu)

Dự kiến không loại bỏ cổ phiếu nào và có thể thêm mới CEO. Lưu ý đối với trường hợp HNG ở ngưỡng giới hạn vốn hóa 98% có thể bị loại nếu không đáp ứng điều kiện này. Giá trị có thể sai lệch do ngày chốt dữ liệu và tỷ lệ free-float.

Trên cơ sở đó, danh mục Quỹ ETF VNM và FTSE Vietnam dự kiến thay đổi như sau:

(Trang sau)

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục FTSE Vietnam 30 Index, FTSE Vietnam Index và Market Vector Vietnam Local Index Quý 3 năm 2023

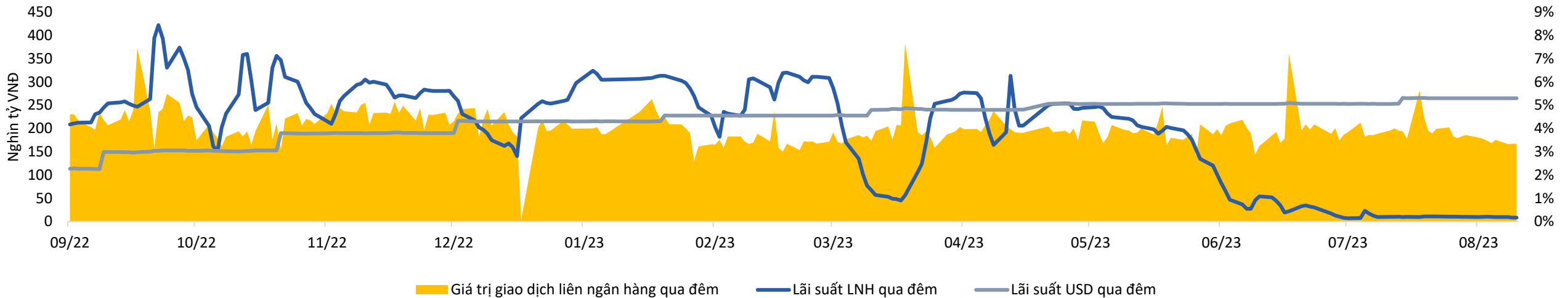
DỰ BÁO SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU MUA/BÁN CÁC ETF NGOẠI QUÝ 3/2023

Mã CK	MarketVector Vietnam			FTSE Vietnam			FTSE Vietnam 30			TỔNG HỢP			Ghi chú
	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	SLCP mua/bán	KLGD TB 1 tháng gần nhất	Số phiên giao dịch dự kiến	
LPB	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	1.26%	0.00%	14,547,993	14,547,993	8,634,045	1.88	Dự kiến thêm mại trong FTSE VN 30
VNM	6.84%	7.00%	328,541	9.49%	9.00%	625,301	9.78%	8.18%	4,606,165	5,560,007	4,193,418	1.33	
KDH	0.75%	0.70%	(-210,231)	0.00%	0.00%	0	2.47%	2.05%	2,642,889	2,432,658	2,281,473	1.07	
HCM	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	1.04%	0.25%	5,837,657	5,837,657	5,543,374	1.05	
CEO	0.00%	2.04%	12,218,256	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	12,218,256	13,408,985	0.91	Dự kiến thêm mại trong Market Vector
KBC	1.71%	1.57%	(-644,904)	2.64%	2.02%	1,809,659	2.57%	1.95%	4,379,057	5,543,812	8,248,284	0.67	
GEX	1.64%	1.84%	1,378,795	1.99%	1.56%	1,865,604	2.09%	1.62%	4,534,526	7,778,926	19,805,723	0.39	
DGC	2.17%	2.23%	125,008	2.53%	2.26%	347,141	2.56%	2.27%	880,160	1,352,309	4,061,508	0.33	
VIX	2.20%	2.32%	1,064,671	1.42%	0.00%	7,727,220	0.00%	0.00%	0	8,791,891	29,473,540	0.30	Dự kiến thêm mại trong FTSE
VND	4.29%	4.31%	145,265	2.80%	2.14%	2,885,896	2.72%	2.06%	6,974,122	10,005,282	35,054,871	0.29	
POW	1.42%	1.30%	(-1,361,450)	1.17%	1.03%	1,013,487	1.22%	1.06%	2,578,325	2,230,361	13,896,973	0.16	
VCB	5.75%	6.00%	422,175	8.49%	8.62%	(-137,728)	8.78%	8.81%	(-62,915)	221,532	1,411,712	0.16	
STB	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	2.35%	2.04%	2,120,167	2,120,167	26,760,818	0.08	
VCG	1.35%	1.32%	(-168,195)	1.09%	1.01%	267,049	1.09%	1.00%	725,543	824,396	14,664,276	0.06	
VGC	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	0.37%	0.37%	9,087	9,087	1,110,737	0.01	
HSG	0.91%	0.90%	(-44,460)	0.97%	0.95%	118,469	0.00%	0.00%	0	74,009	14,516,126	0.01	
SHS	1.35%	1.35%	44,153	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	44,153	22,009,972	0.00	
PDR	1.51%	1.51%	(-16,067)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-16,067)	14,936,709	(-0.00)	Có thể được xem xét vào FTSE Vietnam
NVL	3.75%	3.69%	(-467,403)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-467,403)	52,276,133	(-0.01)	
DXG	0.85%	0.80%	(-428,484)	0.91%	1.00%	(-435,875)	0.00%	0.00%	0	(-864,359)	28,231,392	(-0.03)	
DIG	1.61%	1.52%	(-554,600)	1.21%	1.30%	(-328,628)	1.26%	1.34%	(-645,932)	(-1,529,160)	29,161,060	(-0.05)	
EIB	1.72%	1.66%	(-356,630)	1.63%	1.78%	(-596,674)	0.00%	0.00%	0	(-953,304)	17,445,215	(-0.05)	
TCH	0.96%	0.88%	(-917,469)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-917,469)	15,518,195	(-0.06)	
KDC	1.11%	1.03%	(-197,043)	0.00%	0.00%	0	1.54%	1.52%	82,895	(-114,148)	1,921,162	(-0.06)	
PVS	1.04%	0.95%	(-393,207)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-393,207)	6,610,917	(-0.06)	
HAG	0.91%	0.83%	(-1,317,143)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-1,317,143)	20,707,360	(-0.06)	
HUT	0.96%	0.89%	(-453,176)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-453,176)	6,052,641	(-0.07)	
IDC	1.34%	1.23%	(-356,638)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-356,638)	4,168,258	(-0.09)	
DCM	0.97%	0.94%	(-158,614)	0.00%	0.00%	0	0.65%	0.70%	(-337,530)	(-496,145)	4,274,405	(-0.12)	
HDG	0.59%	0.54%	(-240,462)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-240,462)	1,642,068	(-0.15)	
HPG	6.70%	6.50%	(-1,141,729)	13.06%	12.75%	1,100,989	10.00%	10.65%	(-5,171,406)	(-5,212,146)	29,327,959	(-0.18)	
MSN	4.58%	4.78%	384,512	7.81%	8.52%	(-839,788)	8.12%	8.12%	(-1,192)	(-456,469)	2,493,113	(-0.18)	
VHC	1.51%	1.43%	(-165,177)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-165,177)	863,242	(-0.19)	
HNG	0.51%	0.47%	(-1,439,353)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-1,439,353)	6,834,334	(-0.21)	Có thể bị loại khỏi Market Vector
PVD	0.85%	0.79%	(-401,952)	0.94%	1.12%	(-701,963)	0.00%	0.00%	0	(-1,103,915)	4,853,969	(-0.23)	
SHB	2.79%	2.67%	(-1,469,774)	2.05%	2.25%	(-1,514,018)	2.08%	2.25%	(-2,993,853)	(-5,977,645)	24,384,549	(-0.25)	
VCI	2.80%	2.62%	(-645,212)	2.03%	2.14%	(-233,018)	1.97%	2.04%	(-392,398)	(-1,270,628)	4,626,435	(-0.27)	
PLX	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	0.76%	0.85%	(-522,003)	(-522,003)	1,728,319	(-0.30)	
VIC	8.70%	8.00%	(-1,620,104)	13.45%	13.57%	(-175,921)	10.00%	10.79%	(-2,489,672)	(-4,285,698)	13,893,317	(-0.31)	
VPI	1.31%	1.21%	(-272,404)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-272,404)	779,415	(-0.35)	
BVH	1.03%	0.97%	(-195,734)	0.00%	0.00%	0	0.52%	0.56%	(-172,962)	(-368,696)	1,044,193	(-0.35)	
DPM	1.11%	1.05%	(-228,662)	1.00%	1.19%	(-483,494)	1.10%	1.29%	(-1,038,269)	(-1,750,425)	3,702,744	(-0.47)	
SSI	5.99%	5.50%	(-2,382,661)	5.03%	6.15%	(-3,365,412)	4.74%	5.73%	(-7,371,542)	(-13,119,615)	24,570,728	(-0.53)	
VRE	2.52%	2.31%	(-1,061,769)	4.16%	4.52%	(-1,137,084)	4.22%	4.53%	(-2,231,203)	(-4,430,056)	8,052,460	(-0.55)	
VHM	7.15%	8.00%	2,286,286	12.08%	12.42%	(-569,139)	10.00%	11.35%	(-5,011,026)	(-3,293,878)	5,331,609	(-0.62)	
SAB	2.27%	2.10%	(-169,670)	0.00%	0.00%	0	1.73%	1.87%	(-192,786)	(-362,456)	311,025	(-1.17)	
SBT	0.95%	0.88%	(-715,228)	0.00%	0.00%	0	0.88%	1.34%	(-6,500,382)	(-7,215,611)	3,833,175	(-1.88)	
VJC	1.49%	1.35%	(-211,549)	2.06%	2.70%	(-609,889)	2.12%	2.75%	(-1,365,412)	(-2,186,850)	918,805	(-2.38)	

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.18%	0.46%	0.61%	1.54%	3.76%	6.45%	7.17%
So với tuần trước	-0.02%	0.05%	0.04%	0.04%	-0.10%	0.18%	-0.66%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	166,807.33	6,137	8,473	3,166	4,581	150	3
So với tuần trước	-4.76%	-48.29%	134.49%	-9.86%	153.31%	-62.84%	15.38%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 23/08/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 34, bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi, thanh khoản giảm nhẹ.
- Hoạt động trên OMO không ghi nhận giao dịch mới.

PTKT VN-INDEX: Tích lũy sau đỉnh ngắn hạn và tìm điểm cân bằng sau nhịp bán tháo

Đồ thị ngày: VN-Index có những phiên giao dịch giằng co và tăng giảm xen kẽ sau phiên bán tháo trong tuần trước. Sau phiên bán tháo theo đà ngày 22/8, lực cầu bắt đáy đã kéo chỉ số tăng điểm với cây nến doji bóng nến dài và tích lũy trở lại quanh 1,180 điểm. Chỉ số vận động trong khoảng giá với ngưỡng trên tại 1,192 điểm (Fibonacci retracement 23.8%) và 1,157 điểm (Fibonacci retracement 38.2% và đường kênh giá hồi phục từ tháng 11/2023). Các chỉ báo kỹ thuật suy yếu, thanh khoản giảm sút là dấu hiệu thường thấy sau đỉnh ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 41 lên 44 điểm.
- MACD cắt từ trên xuống và tiến về gần mức 0. Thanh khoản giảm nhẹ 22% so tuần trước.
- VN-Index chạm bollingerband dưới và bật lên. Dải bollinger band mở rộng.

Kết luận: VN-Index đang tích lũy tạm sau nhịp bán tháo với thanh khoản sụt giảm. Chỉ số bật tăng khi chạm dải bollinger band dưới đồ thị ngày. Lực cầu bắt đáy ở vùng giá thấp giúp chỉ số nhanh chóng tích lũy lại sau phiên bán tháo. Giao dịch giằng co còn tiếp tục cho đến khi chỉ số xác lập được điểm cân bằng mới. Chỉ số sau đó cần có thêm những cây hướng chỉ hướng để xác định hướng đi trong ngắn hạn: (1) Ở chiều giảm, chỉ số cần giảm dứt khoát dưới 1,170 điểm để hình thành mẫu hình điều chỉnh a-b-c, với điểm c có giá mục tiêu tại 1,130 điểm; (2) ở chiều tăng, chỉ số cần vượt 1,192 điểm để quay lại kiểm tra đỉnh cũ. Cả 2 khả năng vẫn đều chưa thể loại trừ và VN-Index cần cây nến chỉ hướng để xác nhận hướng đi trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Tăng trưởng tín dụng đến tháng 7/2023 đạt +4.56%

VIỆT NAM:

- Phó Thủ tướng Chính phủ: Đã ký Quyết định 979/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu: đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa.
- Khảo sát của Vụ Dự báo, thống kê của Ngân hàng Nhà nước: Các NHTM dự kiến tiếp tục thắt chặt tiêu chuẩn tín dụng 4 lĩnh vực rủi ro: Đầu tư kinh doanh chứng khoán; Đầu tư kinh doanh bất động sản; Kinh doanh tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Xây dựng.
- SBV: Tăng trưởng tín dụng đến tháng 7/2023 đạt +4.56% (tháng trước: +4.73%).
- SBV: Tỷ lệ nợ xấu của lĩnh vực bất động sản đang có chiều hướng gia tăng so với thời điểm cuối năm trước (tháng 6/2022 là 1.53%, tháng 6/2023 là 2.47%).
- SBV: 6T2023, tín dụng bất động sản tăng 17.41%, vượt 7% so với năm 2022. Tuy nhiên, tín dụng bất động sản tiêu dùng giảm 1.12%.
- SBV: Nhận được nhiều kiến nghị của cử tri các tỉnh về vấn đề giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.
- VBMA: Các doanh nghiệp đã thực hiện mua lại 145,267 tỷ đồng trái phiếu tính từ đầu năm 2023 đến ngày công bố thông tin 11/8/2023 (+39% YoY).
- Batdongsan.com.vn: Trong tháng 7/2023, nhu cầu tìm mua bất động sản trên cả nước tăng 6%, lượng tin rao bán nhà đất cũng tăng 4% so với tháng liền trước.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: PMI dịch vụ và sản xuất tháng 8/2023 lần lượt đạt 51 điểm và 47 điểm.
- Hoa Kỳ: Doanh số bán nhà mới trong tháng 7/2023 đạt 714 nghìn, trước đó là 697 nghìn.
- Châu Âu: PMI dịch vụ tháng 8/2023 ở mức 48.3 điểm (dự kiến: 50.5 điểm).
- Trung Quốc: PBoC hạ lãi suất LPR 1 năm từ 3.55% xuống 3.45%, giữ nguyên lãi suất LPR 5 năm ở mức 4.2%.
- Đức: PPI tháng 7/2023 -1.1% MoM, dự kiến: -0.2% MoM (trước đó: -0.3% MoM).
- Anh: PMI dịch vụ và sản xuất tháng 8/2023 lần lượt ở mức 48.7 điểm và 42.5 điểm.
- Anh: Doanh số bán lẻ tháng 8/2023 ở mức -44 điểm, trước đó là -25 điểm.
- Trung Quốc: Ngừng nhập khẩu hải sản từ Nhật Bản sau khi Nhật Bản xả nước phóng xạ đã qua xử lý từ nhà máy điện hạt nhân Fukushima xuống Thái Bình Dương trong ngày 24/08.

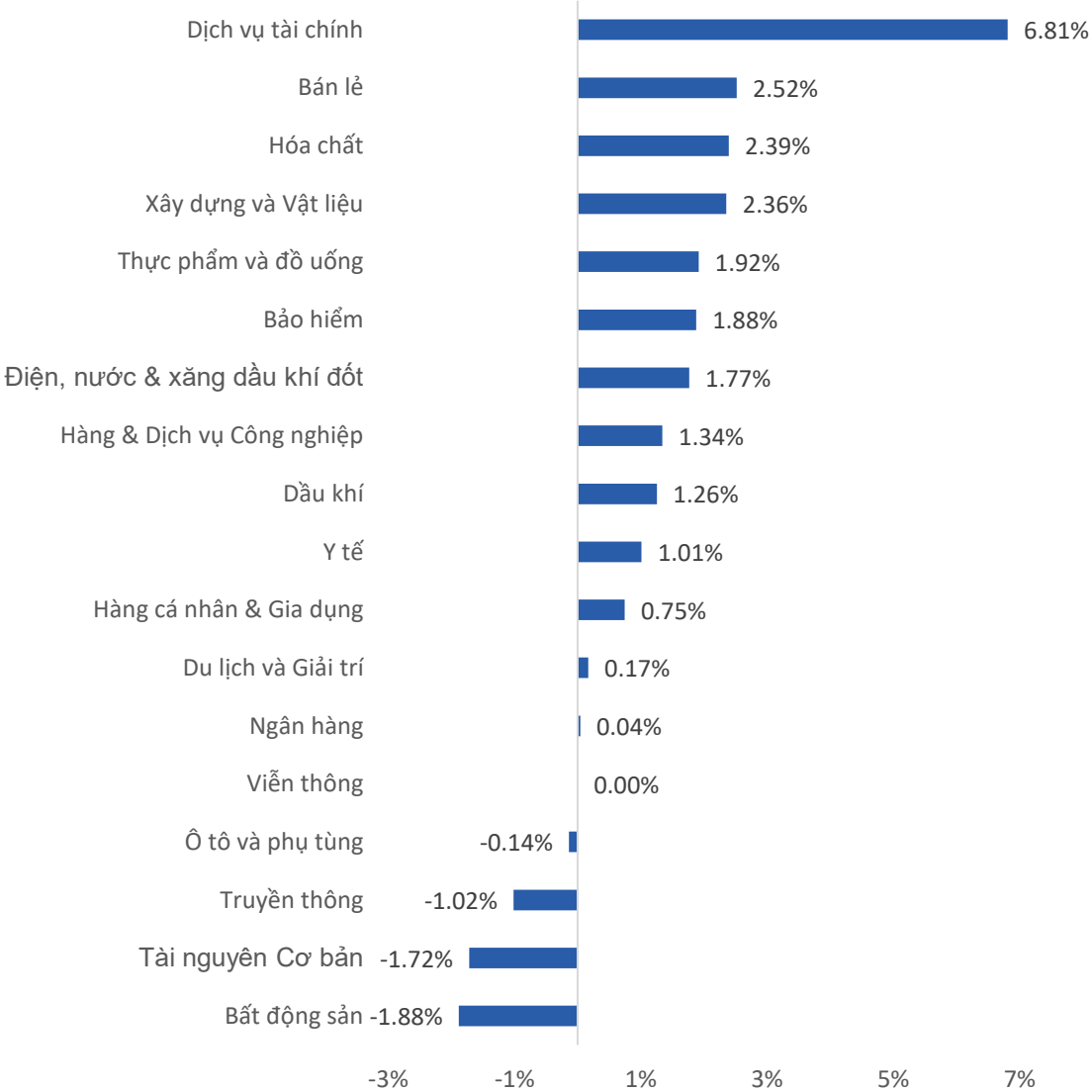
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 8;
- 28/8, Cung tiền M3 và khoản vay tư nhân ECB. 29/8, Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ; Tỷ lệ thất nghiệp Nhật Bản. 30/8, CPI Australia, Đức; GDP sơ bộ, cán cân thương mại, dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 31/8, Doanh thu bán lẻ Nhật; PMI Trung Quốc; CPI, chỉ số thất nghiệp EU; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 1/9, PMI Canada, Anh, EU, Trung Quốc và Hoa Kỳ; Tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Dịch vụ tài chính	0.69%	6.81%	13.74%	SSI	-3.60%		
Bán lẻ	0.49%	2.52%	2.98%	MWG	0.57%	PNJ	-1.73%
Hóa chất	0.69%	2.39%	4.04%	DRC	-2.90%	DGC	-1.61%
Xây dựng và Vật liệu	0.61%	2.36%	7.08%	CTD	4.33%	HT1	-3.25%
Thực phẩm và đồ uống	0.59%	1.92%	7.24%	VNM	0.68%	MSN	-2.09%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	79.83	0.99%	-1.03%	-0.44%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	84.48	1.34%	-0.38%	0.08%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	287.64	3.47%	1.88%	-0.39%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,914.96	-0.10%	1.36%	-2.27%		PNJ
Bạc	USD/oz.	24.23	0.43%	6.49%	-0.49%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,387.75	1.17%	2.55%	0.38%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	621.75	-1.58%	-2.70%	-14.59%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.21	0.12%	-0.35%	-0.29%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	212.00	2.42%	6.75%	6.48%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	24.83	2.22%	4.50%	3.80%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	153.15	-0.75%	2.10%	-3.19%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,355.50	-0.05%	1.40%	-3.54%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,714.00	-0.56%	-0.11%	-3.31%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,150.50	-0.32%	0.63%	-3.22%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	819.50	-0.36%	6.43%	10.30%		HPG
Than đá	USD/MT	160.60	1.65%	-1.29%	8.51%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	3,912.00	-0.56%	0.05%	-4.42%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
FPT	7.20%	1.97
GAS	3.89%	1.85
SSI	13.78%	1.49
BID	2.26%	1.29
TCB	3.54%	1.03
DGC	13.19%	0.90
VNM	2.18%	0.85
LPB	10.74%	0.78
VND	9.25%	0.57
CTG	1.47%	0.55
Tổng		11.31

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-3.69%	-3.98
VIC	-5.08%	-3.30
VHM	-4.75%	-2.99
HPG	-2.08%	-0.81
VPB	-1.94%	-0.69
BCM	-2.21%	-0.40
POW	-4.21%	-0.33
VRE	-1.37%	-0.24
GVR	-1.01%	-0.20
VJC	-0.92%	-0.12
Tổng		-13.07

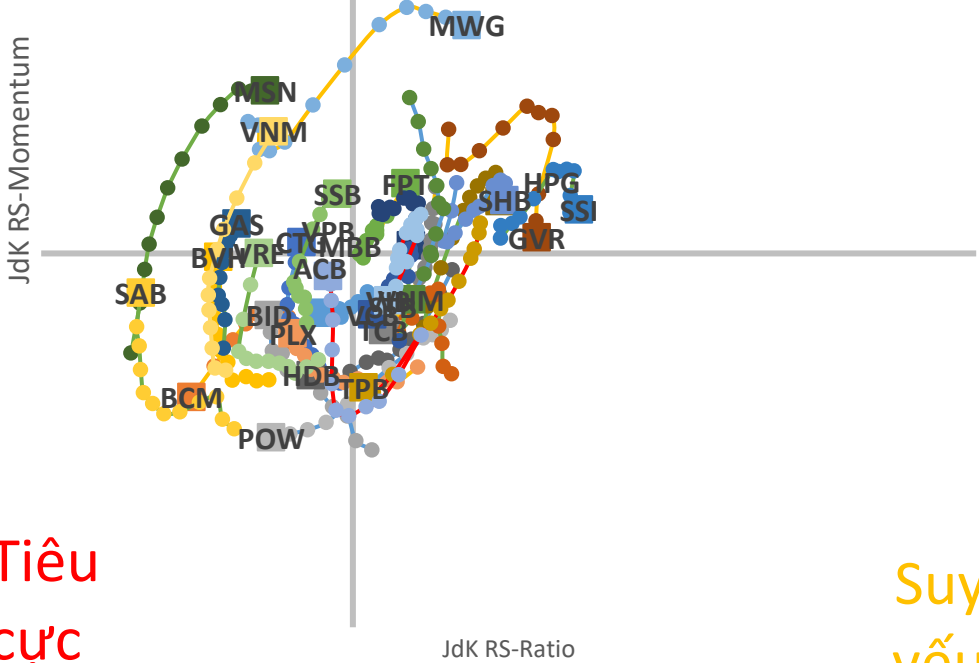
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	292.33	
VIC	230.91	
TPB	165.52	
DGC	142.04	
DXG	136.80	
FRT	110.74	
VRE	79.95	
KBC	75.52	
VCG	75.29	
KDH	69.14	
Tổng	1,378.25	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-666.07	
SSI	-396.79	
VPB	-389.58	
MWG	-365.26	
KDC	-321.25	
STB	-311.06	
FUEVFN	-191.61	
DPM	-162.72	
SAB	-131.63	
VCB	-123.91	
Tổng	-3059.88	

Vận động cổ phiếu VN30			
FPT	102.1991	101.002	15.21%
GVR	111.7603	100.871	15.93%
HPG	109.4596	101.9088	27.06%
MBB	103.8595	100.5261	19.48%
MWG	105.9725	106.3198	39.05%
SHB	109.7998	101.8894	30.61%
SSI	113.9462	101.086	27.77%
CTG	96.70958	100.2946	14.64%
GAS	92.54195	100.7946	8.21%
MSN	94.37915	104.3552	18.02%
SSB	99.01458	101.5911	21.06%
VIC	98.19725	103.5293	37.76%
VJC	91.31113	100.0156	2.43%
VNM	94.93708	103.263	13.18%
VRE	93.99413	100.0087	9.82%
STB	102.5537	98.58028	14.36%
TCB	101.9468	97.93977	13.49%
TPB	100.6982	96.40902	6.83%
VCB	101.255	98.36223	14.67%
VHM	103.7566	98.76698	12.57%
VIB	102.2866	98.73826	15.77%
ACB	97.8996	98.4038	9.00%
BCM	89.64736	96.1556	-4.76%
BID	94.61582	98.34473	6.38%
BVH	91.37749	99.90141	6.26%
HDB	97.32356	96.7402	4.30%
PLX	96.14968	97.85621	7.26%
POW	94.77543	95.07214	1.11%
SAB	86.40409	98.94697	3.68%
VPB	98.42093	99.38755	13.99%

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

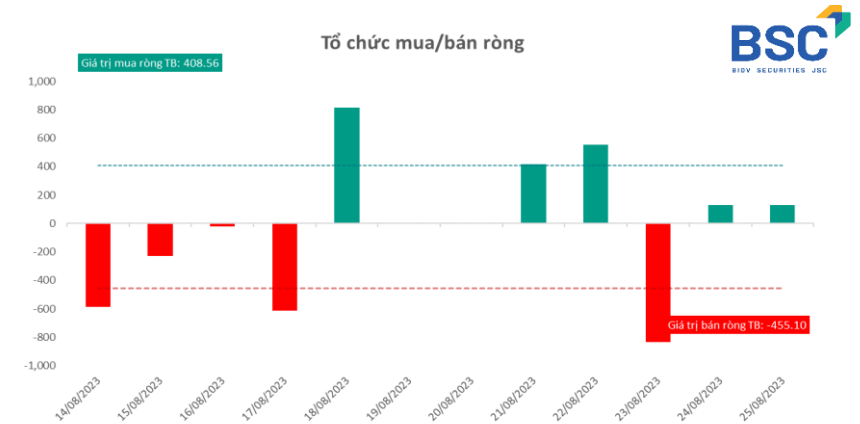
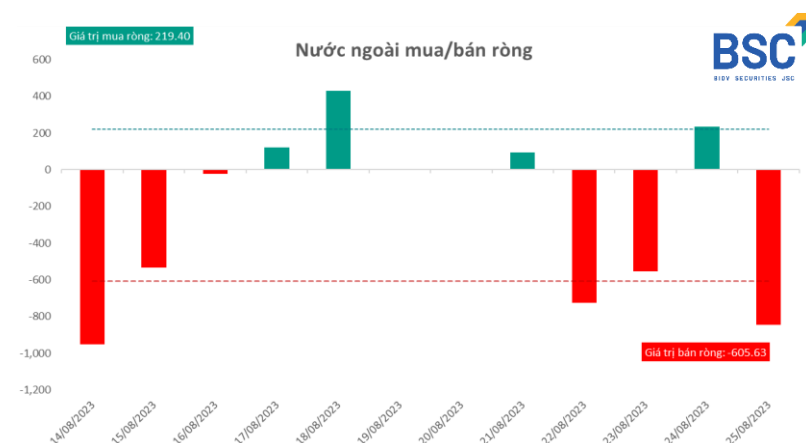
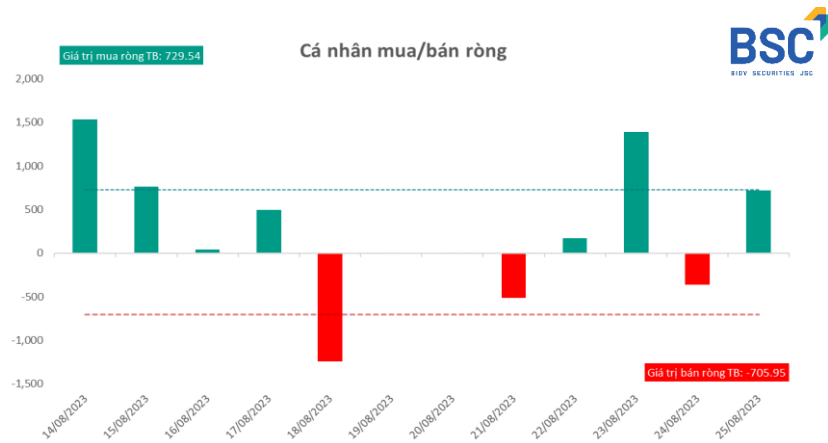
Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFN30	13,958,500	351.72	FPT	1,977,067	-165.37	VNM	3,965,209	292.33	HPG	25,803,160	-666.07	HPG	20,451,111	526.95	VNM	5,572,697	-410.02
NVL	8,209,952	146.39	STB	2,992,262	-84.95	VIC	3,508,609	230.91	SSI	13,588,677	-896.79	STB	14,263,814	450.88	EIB	17,295,078	-394.58
SSI	2,607,153	75.79	VIC	1,213,062	-86.08	TPB	8,752,225	165.52	VPB	19,182,375	-889.58	VPB	18,515,901	376.91	DXG	14,087,424	-288.30
HPG	2,614,049	68.00	VNM	827,520	-61.84	DGC	1,847,304	142.04	MWG	7,291,885	-665.26	MWG	6,859,609	343.95	DIG	7,841,239	-212.65
EIB	2,563,800	59.53	ACB	2,455,968	-53.96	DXG	6,696,631	136.80	KDC	5,206,600	-321.25	SSI	11,508,613	330.44	DGC	2,246,204	-172.02
DIG	2,020,800	54.97	VPB	2,160,326	-44.00	FRT	1,496,466	110.74	STB	9,894,723	-311.06	KDC	5,213,700	321.69	TPB	8,086,722	-150.47
MBB	2,954,962	53.42	GMD	612,000	-33.30	VRE	2,730,649	79.95	FUEVFN30	7,580,810	-191.61	FPT	2,816,608	238.69	FRT	1,661,466	-122.84
VIB	1,866,479	36.90	TPB	990,709	-18.30	KBC	2,490,143	75.52	DPM	4,664,338	-162.72	VCG	6,494,791	180.75	KBC	2,838,343	-87.64
MWG	638,372	32.16	PNJ	222,418	-17.32	VCG	2,807,549	75.29	SAB	864,393	-131.63	PAC	4,630,600	151.11	PDR	3,911,842	-82.52
			REE	218,400	-13.25	KDH	2,034,600	69.14	VCB	1,428,423	-123.91	SAB	980,693	149.70	VHM	1,435,858	-79.44

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link	
VCB	Ngân hàng	86.2	-0.90%	1.00	20,158.00	5.10	7,311.00	11.79	105,000	23.50%	Link	Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.
BID	Ngân hàng	45.2	-1.30%	0.90	9,567.00	2.20	4,208.00	10.74	54,578	17.10%	Link	
VPB	Ngân hàng	20.2	-1.50%	1.10	5,674.00	13.60	-		23,685	16.60%	Link	
TCB	Ngân hàng	33.6	-0.40%	1.60	4,952.00	5.10	-		-	22.50%	Link	
MBB	Ngân hàng	18.1	-0.80%	1.50	3,949.00	3.60	4,640.00	3.90	24,400	23.20%	Link	
STB	Ngân hàng	31.1	-1.40%	1.20	2,453.00	22.30	4,603.00	6.76	31,200	24.40%	Link	
GVR	BĐS KCN	19.6	-0.80%	1.90	3,289.00	1.40	4,880.00	4.02	19,100	0.50%	Link	
KBC	BĐS KCN	31.6	-0.20%	1.60	1,015.00	10.40			34,000	20.30%	Link	
IDC	BĐS KCN	45.6	0.20%	1.70	630.00	4.00	1,217.00		45,900	11.10%	Link	
VGC	BĐS KCN	44.8	0.00%	1.80	840.00	1.10	1,916.00	23.38	-	4.80%	Link	
HPG	Vật liệu xây dựng	26	-1.30%	2.00	6,314.00	23.70	1,896.00	13.71	23,300	26.40%	Link	
VHM	Vật liệu xây dựng	54.1	-2.30%	1.10	9,856.00	11.60	5,227.00	10.35	79,900	24.20%	Link	
VRE	BĐS	29	-1.20%	1.00	2,729.00	4.00	1,576.00	18.21	36,200	32.10%	Link	
KDH	BĐS	34.6	0.10%	1.80	1,036.00	1.90	2,557.00	13.53	35,900	38.90%	Link	
NLG	BĐS	37	0.00%	1.70	595.00	3.60	14,120.00	2.62	46,100	41.40%	Link	
DGC	Phân bón	79.8	6.30%	1.80	1,268.00	27.40	6,793.00	11.75	85,000	13.50%	Link	
DPM	Dầu khí	35.1	-1.40%	1.00	575.00	6.20	2,625.00	13.37	42,000	15.40%	Link	
DCM	Dầu khí	32.5	0.00%	1.30	720.00	4.80	2,292.00	14.18	40,000	11.40%	Link	
GAS	Dầu khí	101.4	-1.00%	0.60	8,120.00	2.30	1,340.00	75.67	110,500	2.90%	Link	
PLX	Dầu khí	37.6	-0.70%	0.90	1,996.00	1.50	2,929.00	12.84	45,000	17.30%	Link	
PVS	Dầu khí	33.2	-0.60%	1.00	664.00	4.30	993.00	33.43	38,500	20.30%	Link	
PVD	Dầu khí	24.6	0.60%	1.10	573.00	2.70	7,698.00	3.20	29,000	21.30%	Link	
POW	Tiện ích	12.5	-0.80%	0.90	1,225.00	3.50	3,895.00	3.21	14,500	6.20%	Link	
VNM	Bán lẻ	74.9	0.30%	0.40	6,550.00	8.60	2,605.00	28.75	81,700	54.40%	Link	
MSN	Bán lẻ	79.7	-0.40%	1.30	4,772.00	3.90	3,456.00	23.06	27,700	30.50%	Link	
MWG	Bán lẻ	50.5	0.40%	1.80	3,090.00	15.10	7,475.00	6.76	63,300	49.00%	Link	
PNJ	Bán lẻ	78.3	0.40%	0.60	1,075.00	1.90	2,965.00	26.41	83,500	49.00%	Link	
VHC	Thủy sản	74.8	3.20%	1.00	574.00	5.60	12,800.00	5.84	90,900	32.10%	Link	
GMD	Logistics	55.3	-0.40%	0.40	697.00	1.20	7,059.00	7.83	57,000	47.00%	Link	
FPT	Công nghệ	90.6	0.70%	0.60	4,814.00	10.60	5,901.00	15.35	96,300	49.00%	Link	

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	31.2	-1.90%	1.10	6,264.00	11.20	3,520.27	8.61	1.33	27.19%	15.94%
ACB	Ngân hàng	22	-0.50%	1.10	3,567.00	4.90	3,742.40	5.88	1.41	30.00%	25.16%
HDB	Ngân hàng	16.2	0.30%	0.80	1,967.00	1.20	3,148.88	5.91	1.27	20.00%	22.26%
LPB	Ngân hàng	15.7	0.30%	1.30	1,680.00	4.00	2,732.22	5.93	1.28	3.90%	15.94%
VIB	Ngân hàng	19.6	-0.80%	1.20	2,080.00	2.10	3,469.03	5.85	1.54	20.50%	28.49%
VND	Chứng khoán	21.8	2.60%	1.90	1,113.00	46.00	489.06	36.60	1.70	23.53%	3.84%
TPB	Ngân hàng	18.8	0.30%	1.00	1,736.00	2.90	2,895.37	6.32	1.35	28.78%	19.79%
SSI	chứng khoán	32.2	0.60%	1.60	2,020.00	43.70	1,119.93	25.05	1.97		9.08%
CII	Xây dựng	20.7	0.50%	1.60	246.00	7.50	217.60	85.02	1.06	8.45%	0.19%
C4G	Xây dựng	14.8	1.40%	1.90	-	3.00	790.73	18.08	1.42	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	62.4	4.90%	2.10	194.00	4.00	183.95	420.21	0.60	43.16%	0.82%
HHV	Xây dựng	14.8	0.70%	1.60	204.00	2.40	903.05	17.16	0.72	4.82%	4.17%
LCG	Xây dựng	13	-2.00%	2.10	99.00	2.80	812.23	16.99	1.11	3.09%	3.71%
BCM	KCN	66.5	-0.70%	0.70	2,880.00	0.70	1,170.44	69.20	4.44	2.71%	3.15%
HUT	KCN	25.2	1.20%	1.40	368.00	5.60	161.84	124.20	2.41	1.94%	1.35%
PHR	KCN	48.1	-0.50%	1.40	273.00	0.80	6,038.56	8.41	2.06	15.34%	26.78%
SZC	KCN	35.3	0.30%	1.80	177.00	0.90	1,102.80	29.11	2.79	3.02%	10.78%
HSG	Vật liệu	18.6	-0.80%	2.30	479.00	7.90	(1,693.61)		1.23	20.22%	-11.74%
HT1	Vật liệu	14.3	-2.40%	1.50	228.00	0.60	386.12	43.38	1.25	3.55%	1.25%
NKG	Vật liệu	18.1	-1.60%	2.40	199.00	5.20	(2,585.96)		1.00	10.44%	-13.12%
PTB	Vật liệu	55.1	0.00%	1.00	154.00	0.60	6,016.80	9.06	1.38	17.13%	13.69%
KSB	Vật liệu	29.2	0.00%	1.70	93.00	1.80	1,392.77	22.19	1.21	3.30%	4.99%
NVL	BĐS	19.4	-2.00%	1.40	1,583.00	27.20	362.35	40.57	1.10	3.86%	-0.53%
DXG	BĐS	21	4.00%	2.70	536.00	33.40	(239.59)		1.34	18.42%	-1.38%
HDC	BĐS	33.6	-1.80%	1.00	190.00	4.80	2,525.76	11.44	2.71	1.97%	17.18%
DIG	BĐS	27	0.40%	2.40	689.00	33.20	261.72	80.62	2.19	5.75%	1.11%
IJC	BĐS	15.5	-1.30%	2.10	163.00	0.90	1,661.89	8.57	1.14	5.70%	10.20%
BSR	Dầu khí	18.6	0.50%	1.40	-	5.20	4,750.00	3.79	1.25	0.41%	33.16%
PVT	Dầu khí	21.6	-1.40%	0.80	293.00	1.60	2,740.01	8.56	1.13	13.86%	15.91%
PLC	Săm lốp	35.1	1.40%	1.60	119.00	0.40	1,355.49	28.18	2.44	1.25%	7.56%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	22.6	-0.20%	1.20	112.00	0.20	2,246.06	10.28	1.61	11.51%	13.40%
REE	Tiện ích	61.5	0.00%	0.70	1,052.00	1.10	6,714.22	9.81	1.58	49.00%	14.90%
GEX	Tiện ích	21.9	-0.20%	1.80	780.00	12.50	9.99	1917.69	1.60	11.94%	2.55%
NT2	Tiện ích	27.5	-0.40%	0.60	331.00	0.60	3,244.99	9.29	1.83	15.34%	15.62%
HDG	Tiện ích	28.6	-2.60%	1.80	366.00	3.10	3,774.53	8.05	1.69	23.84%	15.68%
PC1	Tiện ích	25.2	-0.40%	1.50	285.00	1.40	1,257.41	21.63	1.52	5.59%	5.06%
GEG	Tiện ích	14	0.00%	1.00	200.00	0.40	901.85	16.47	1.42	45.88%	5.20%
BCG	Dầu khí	10.6	0.00%	2.50	236.00	4.40	220.40	44.46	0.94	2.14%	-0.60%
SAB	Bán lẻ	156.2	1.80%	0.10	4,191.00	2.80	7,649.00	19.61	4.17	62.28%	19.12%
QNS	Bán lẻ	48.5	-1.20%	0.50	-	1.80	4,226.00	11.90	1.99	16.19%	17.50%
FRT	Bán lẻ	77	0.00%	1.50	439.00	2.20	1,620.00	47.41	5.87	32.69%	-2.51%
DGW	Bán lẻ	55	2.20%	2.20	384.00	6.10	3,396.50	14.25	3.48	23.61%	21.73%
DBC	Bán lẻ	23	0.60%	2.10	235.00	3.70	(1,339.12)		1.36	5.95%	-0.25%
PET	Bán lẻ	25.8	-1.10%	2.30	115.00	0.50	1,025.57	29.25			3.68%
BAF	Bán lẻ	20.5	0.20%	1.10	123.00	1.00	1,408.62	17.89	1.67	0.08%	9.96%
ANV	Thủy sản	33.9	4.80%	1.90	189.00	4.10	4,368.00	8.59	1.59	3.95%	9.29%
VSC	Logistics	29	0.90%	0.20	162.00	0.90	2,086.56	18.33	1.53	3.12%	6.42%
HAH	Logistics	31.3	-0.60%	1.20	138.00	1.00	9,072.47	5.32	1.45	4.48%	25.48%
CTR	Công nghệ	79.3	6.90%	1.40	380.00	3.00	4,040.07	18.51	4.99	9.69%	31.94%
TNG	Dệt may	19	5.60%	1.70	90.00	1.50	2,665.32	7.47	1.26	23.78%	17.18%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký